

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020.

Thực hiện văn bản số 1340/STC-TTr ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc báo cáo phục vụ kỳ họp giữa năm 2020 của Hội đồng nhân dân, Thanh tra tỉnh báo cáo như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Về thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, các quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Tiếp tục tổ chức, quán triệt và triển khai thực hiện đến toàn thể cán bộ, đảng viên và người lao động các chủ trương, đường lối, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của UBND tỉnh về Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP), như: Luật THTK, CLP; Nghị quyết số 82-NQ/CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. Trên cơ sở đó, từng bước nâng cao nhận thức về Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cán bộ, công chức, người lao động.

- Năm 2020 Thanh tra tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch thanh tra, bố trí nhiệm vụ phù hợp với nguồn kinh phí được giao nhằm mục tiêu hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra, Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, tổ chức nhiều biện pháp phòng ngừa tham nhũng, trong đó thực hiện đẩy mạnh công khai, minh bạch trong quy trình tổ chức cán bộ, nâng bậc lương trước thời hạn, trong quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí, tài sản công theo đúng định mức, tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu THTK, CLP tiêu cực, tham nhũng trên tất cả các hoạt động của cơ quan.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện luật THTK, CLP

Những biện pháp chỉ đạo điều hành đã triển khai, thực hiện:

Trên cơ sở Luật THTK, CLP và các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương và UBND tỉnh, thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước. Ngay từ đầu năm, Thanh tra tỉnh tổ chức hội nghị Cán bộ, công chức và người lao

động để sửa đổi, bổ sung các Quy chế: Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công, Quy chế thi đua khen thưởng và Quy chế quản lý sử dụng tài sản công; công khai dự toán 6 tháng đầu năm thông qua cuộc họp CBCC năm 2020.. góp phần đưa công tác phòng chống tham nhũng, THTK, CLP đạt kết quả cao.

Xây dựng ban hành Thông báo số 19/TB-TTT ngày 30/6/2016 về việc thực hiện làm theo lời Bác năm 2019 nội dung đăng ký về tiết kiệm điện, cơ quan đã có những biện pháp tích cực nhằm tiết kiệm tối đa kinh phí hành chính, cụ thể: về nước sinh hoạt đơn vị đã cho khoan giếng và dùng nước giếng để tưới cây cảnh nhằm hạn chế tiền nước inh hoạt; điện thoại chỉ dùng điện thoại bàn và internet để liên hệ công việc hạn chế tối đa gọi di động ; CBCC sau khi ra ngoài phải tắt hết thiết bị điện không để ngấm điện...

Thanh tra tỉnh đã chấp hành đúng chế độ theo các quy định của Nhà nước; thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính đều hoàn thành nhiệm vụ quản lý chặt chẽ tài sản, tiền vốn, sử dụng lao động hợp lý. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên, quản lý tài sản công bảo đảm công khai, dân chủ, tuân thủ theo quy định hiện hành của Nhà nước; không sử dụng tiền ngân sách làm quà biếu; chỉ tiêu tiếp khách đúng quy định...

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

Phát huy quyền làm chủ của Cán bộ, công chức và người lao động trong việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; phát huy công tác giám sát của Ban Thanh tra nhân dân trong công tác phòng chống tham nhũng và THTK, CLP tại cơ quan. Kiểm tra, giám sát việc thực thi nhiệm vụ, nhắc nhở CBCC gắn kết công tác phòng, chống lãng phí trong việc thực hiện công việc hàng ngày, giúp lãnh đạo kiểm tra, đánh giá việc THTK, CLP tại cơ quan.

Trong thời gian qua, Thanh tra tỉnh thường xuyên phổ biến, nhắc nhở CBCC, người lao động trong cơ quan các Chỉ thị, Nghị quyết, pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác THTK, CLP; định kỳ tổ chức sinh hoạt cơ quan để phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về THTK, CLP; công khai minh bạch việc mua sắm tài sản và chi tiêu trong cơ quan. Đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa THTK, CLP với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh”, về tiết kiệm điện nước, điện thoại cơ quan. Nhờ vậy, nhận thức về THTK, CLP của CBCC, người lao động đã được nâng lên.

II. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.

1. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước

Thanh tra tỉnh thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ. Tất cả CBCC chấp hành tốt THTK, CLP trong việc sử dụng thời gian làm việc, sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm tiết kiệm hiệu quả; không sử dụng xe công vào việc riêng, tiết kiệm xăng xe, kiểm tra sửa chữa xe ô tô hợp lý; sử dụng các thiết bị tiết kiệm

điện, tắt các nguồn điện của các máy móc, thiết bị khi hết giờ làm việc. Thực hiện nghiêm các quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện trong các khâu: lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí NSNN. Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế

1.1 Về tổ chức hội nghị, hội thảo:

Từ đầu năm 2020 đến nay, Thanh tra tỉnh không tổ chức hội nghị, hội thảo.

1.2 Về điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm

Hạn chế sử dụng điện thoại đường dài, tăng cường trao đổi thông tin qua mạng nội bộ, mạng xã hội.

Tắt những thiết bị điện trong phòng làm việc trước khi ra về.

Hạn chế mở máy lạnh trong những ngày thời tiết mát.

Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các thiết bị điện, nước để tránh lãng phí.

Tiết kiệm văn phòng phẩm: Tận dụng giấy in 02 mặt

Tăng cường sử dụng phần mềm xử lý văn bản bằng hệ thống mạng (TD.Office)...

1.3 Về xăng xe, công tác phí

Tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng xe ô tô cơ quan. Quy định chặt chẽ việc sử dụng phương tiện xe ô tô khi đi công tác. Áp dụng khoán sử dụng phương tiện xe cá nhân khi đi công tác trong phạm vi bán kính 15km. Hạn chế việc đi công tác ngoài tỉnh đảm bảo triệt để tiết kiệm.

2. Thực hiện quản lý trụ sở làm việc

Tăng cường quản lý đối với trụ sở làm việc và trang thiết bị hiện có. Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, trang thiết bị phục vụ công tác đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả.

3. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý đào tạo, quản lý sử dụng lao động.

Luôn tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, người lao động phát huy khả năng chuyên môn, trong thực thi nhiệm vụ, có kế hoạch đào tạo và bố trí thời gian lao động hợp lý không để lãng phí nguồn kinh phí đào tạo nhân lực cũng như đảm bảo giờ giấc làm việc hiệu quả. Triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy công tác giám sát của Ban thanh tra nhân dân trong việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

4. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí

Năm 2020 chưa phát hiện vụ việc vi phạm lãng phí.

5.Đánh giá chung

Đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu trong cơ quan, công tác quản lý, điều hành ngân sách đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại đúng tiêu chuẩn, quản lý sử dụng ngân sách đúng mục đích, chế độ, định mức quy định theo chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí. Cán bộ, công chức đã nâng cao tinh thần và thái độ làm việc, tăng cường nhận thức về trách nhiệm và quyền lợi của mình, góp phần thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn tài chính, thực hiện tiết kiệm có hiệu quả.

III.Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác THPTK, CLP trong thời gian tới, Thanh tra tỉnh triển khai các giải pháp sau:

- Thường xuyên, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo THPTK, CLP tại đơn vị, phát huy tính gương mẫu của người đảng viên. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm của CBCC, người lao động trong THPTK, CLP; phát huy vai trò của Công đoàn, Đoàn thanh niên trong công tác lãnh đạo, vận động, giáo dục đoàn viên trong cơ quan THPTK, CLP.

- Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các đơn vị định kỳ tổ chức kiểm điểm để đánh giá những việc đã làm được, những việc chưa thực hiện, trong đó lưu ý vấn đề THPTK, CLP; đề ra những giải pháp để thực hiện tốt hơn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát trên các lĩnh vực như: Xây dựng cơ bản, mua sắm và sử dụng tài sản cơ quan...

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về THPTK, CLP đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí NSNN, tiền, tài sản của Nhà nước, tài nguyên thiên nhiên và các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước; kiên quyết xử lý theo đúng quy định pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm, gây lãng phí...

- Tiếp tục cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trong đơn vị.

-Thực hiện chế độ báo cáo công khai tài chính theo đúng quy định, kịp thời để CBCC theo dõi, quản lý.

-Hạn chế các chuyến công tác ngoài tỉnh; tiếp khách; họp mặt...

Trên đây là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 của Thanh tra tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

CHÁNH THANH TRA



Lê Quang Cảnh



PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH VĂN BẢN CỦA THANH TRẠ TỈNH BAN HÀNH VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số 2/BC-TTT ngày 20/5/2020 của Thanh tra tỉnh)

Quyết định số 03/QĐ-TTT ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Thanh tra tỉnh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng kinh phí, tài sản công của Thanh tra tỉnh.



PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	0	0	0			
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	01	01	01	100%	100%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	01	01	01	100%	100%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	0			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	0	0	0			
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	0	0	0			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	0	0	0			
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	15,07	18,00	13,02	0,86%	0,72%	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	3,17	3,2	3,04	0,96%	0,95%	

	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	11,45	12,0	9,11	0,8%	0,76%	khoản chi được duyệt
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	61,5	62,0	13,94	0,23%	0,22%	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	2,91	3,0	2,34	0,8%	0,78%	
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	37,3	38,0	11,0	0,29%	0,28%	
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	0	0	0			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		0	0	0			Tiết kiệm s với dự toái định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoản chi được duyệt
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	0	0	0			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		0	0	0			
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	0	0	0			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	0	0	0			
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	0	0	0			
	Các nội dung khác		0	0	0			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	0	0	0			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	0	0	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	0	0	0			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	0	0	0			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	0	0	0			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	0	0	0			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	0	0	0			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	0	0	0			
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		0	0	0			
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	01	0	0			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều	chiếc	0	0	0			

	chuyển)							
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	0	0			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0	0			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	0	0	0			
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	0	0	0			
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0	0	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án	0	0	0			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	0	0	0			Tiết kiệm s với dự toái được phê duyệt
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	0	0	0			
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng	0	0	0			
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	0	0	0			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	0	0	0			
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ		0	0	0			
	<i>Số lượng</i>	dự án	0	0	0			
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	2.891					
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	131	0	0			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	0	0	0			

3	Nhà công vụ						
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	0	0	0		
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0		
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0		
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0		
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0		
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	0	0	0		
4	Các nội dung khác						
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên						
1	Quản lý, sử dụng đất						
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2	0	0	0		
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2	0	0	0		
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0		
1.4	Các nội dung khác		0	0	0		
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác						
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	0	0	0		
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0		
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được						
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	0	0	0		
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	0	0	0		
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0		
4	Các nội dung khác						
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước						
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	0	0	0		
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0		
3	Các nội dung khác						
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp						

1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	0	0	0			
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	0	0	0			
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h	0	0	0			
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)	0	0	0			
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	0	0	0			
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	0	0	0			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	0	0	0			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	0	0	0			
2	Quản lý đầu tư xây dựng		0	0	0			
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	0	0	0			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	0	0	0			
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		0	0	0			
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	0	0	0			
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng	0	0	0			
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	0	0	0			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn		0	0	0			
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án	0	0	0			
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng	0	0	0			
2.5	Các nội dung khác		0	0	0			
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng	0	0	0			
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng	0	0	0			
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng	0	0	0			
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		0	0	0			
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc	0	0	0			
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc	0	0	0			
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng	0	0	0			
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc	0	0	0			
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng	0	0	0			

4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0	0			
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	0	0	0			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	0	0	0			
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	0	0	0			
	Số cuối kỳ	triệu đồng	0	0	0			
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng	0	0	0			
	Số cuối kỳ	triệu đồng	0	0	0			
VIII Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân								
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ	0	0	0			
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	0	0	0			
IX Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP								
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	0	0	0			
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc	0	0	0			
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	0	0	0			
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	0	0	0			
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	0	0	0			
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	0	0	0			

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO



Lê Thị Phương Nam

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Lê Quang Cảnh